

Số: 71/2021/QĐST – HNGĐ

G, ngày 21 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 96/2021/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: anh Trần Văn H, sinh năm 1980.

Trú tại: thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: chị Trần Thị T, sinh năm 1981.

Trú tại: thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Văn H và chị Trần Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị T có bốn con chung là các cháu Trần Văn H, sinh ngày 21/5/2001, Trần Văn G, sinh ngày 04/3/2003, Trần Duy Kh, sinh ngày 16/8/2014 và Trần Khánh D, sinh ngày 14/3/2018. Hiện cả bốn con đang ở cùng với chị T. Cháu Trần Văn H và Trần Văn G đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên không đặt ra

giải quyết. Giao các cháu Trần Duy Kh và Trần Khánh D cho chị Trần Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Trần Duy Kh và Trần Khánh D đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị T mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 12/2021 cho đến khi các cháu Trần Duy Kh và Trần Khánh D đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị T tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Trần Văn H nhận nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Hân đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004003, ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N (01 bản);
- VKSND huyện G (02 bản);
- Chi cục THADS huyện G (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- UBND xã G (01 bản);
- Lưu HS, VP (01 bản).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc

